

**BẢNG TÍNH HỆ SỐ ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ ĐẶC THÙ**

STT	Đơn vị	Tổng số HĐ 68 năm 2022 cấp có thẩm quyền phê duyệt	Hệ số đề xuất	Ghi chú
*	Cơ quan HC trực thuộc UBND	3	1	<b>Làm mức chuẩn thực hiện</b>
1	VP Đoàn ĐBQH và HĐ nhân dân tỉnh	9	3	$9/3 = 3$
2	Văn phòng UBND tỉnh	17	5,5	17/3=5,6 tính tròn 5,5 (Lý do: nhằm đảm bảo nguyên tắc mức tăng không vượt quá mức hỗ trợ cho 1 đơn vị Hành chính trực thuộc UBND tỉnh 360 tr đồng)
3	Văn phòng Tỉnh Ủy	22	8	$22/3 = 7,5$ ( tính tròn 8)
4	Văn phòng Sở Giao thông (Số GTVT: 3; Thanh tra GT 2)	5	1,7	$5/3=1,7$
5	Các đơn vị HC trực thuộc sở ban ngành (25 đơn vị)	28	0,7	Số lao động lao động các đơn vị HC trực thuộc sở ban ngành đang thực hiện là 45 người (theo BC của đơn vị); bình quân LĐHĐ cho 1 đơn vị là 1,8 người ( $45 \text{ lao động} / 25 \text{ đơn vị} = 1,8 \text{ người} / 1 \text{ đơn vị}$ ) (tính tròn 2 người) = $45/25$ . Do vậy đề xuất mức khoán cho 1 đơn vị bằng hệ số 0,7 (phần II Phụ lục 03)
6	Các đơn vị HC trực thuộc sở ban ngành		0,5	Trường hợp các đơn vị không thuộc tiêu chuẩn, đối tượng được trang bị xe ô tô phục vụ công tác

## THUYẾT MINH CƠ SỞ TÍNH TOÁN ĐỊNH MỨC KHOẢN CHO MỘT ĐƠN VỊ

STT	Nội dung	Định mức	Thuyết minh cơ sở xây dựng định mức
1	Số lượng lao động hợp đồng được UBND tỉnh phê duyệt cho 1 đơn vị là	3 lao động hợp đồng	Căn cứ số lượng hợp đồng lao động được giao tại Quyết định số 5190/QĐ-UBND; Thông báo số 377-TB/TU ngày 20/11/2021 (Số lượng HĐ ổn định qua các năm)
2	Tiền lương bình quân cho 1 lao động hợp đồng	82 trđ/người/năm	Theo số liệu quyết toán năm 2022 các đơn vị đã thực hiện, tiền lương và các khoản đóng góp theo lương bình quân cho 1 HĐLĐ là 72,95 tr đ (tính tròn 73 trđ). Dự toán kinh phí cấp năm 2022 để chi trả bình quân cho 1 lao động HĐ/1 năm: 82,1 trđ/1 người/ năm (tính tròn 82 trđ)
3	Dự kiến tiền lương tăng trong giai đoạn ổn định 2023-2025	18 tr đồng/1 người/ 1 năm	Năm 2023 tăng MLCS từ 1,49 trđ lên 1,8 trđ, tăng tương ứng 20,8 %. Do đó mức lương dự kiến tăng năm 2023 là 15 trđ = 73 tr đồng x 20,8 % = 15tr đồng/1 người/1 năm; các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định dự kiến tăng 3 tr đồng (15 tr + 3 tr) = 18 tr đồng
4	Định mức chi hoạt động thường xuyên 20 tr/1 người/1 năm	20 tr đồng/1 người/ 1 năm	Có 23 đơn vị/ 29 đơn vị đề nghị bổ sung chi hoạt động thường xuyên - do đó STC đề nghị BS định mức 20 tr/1LĐ/1 năm làm cơ sở thực hiện (áp dụng cho các đơn vị: VPUB, VPTU, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh theo Nghị Quyết 23/2021/NQ-HĐND)
5	Dự kiến kinh phí thực hiện cho 1 lao động hợp đồng (2+3+4)	120 tr đồng/1 người/ 1 năm	120 triệu = 82 tr +18 tr +20 tr
6	Định mức khoán cho 01 đơn vị (1x5)	360 tr đồng/ đơn vị/năm	360 triệu = 120 trđ x 3 người

## DỰ KIẾN THỰC HIỆN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT 23/2021/NQ-HĐND KINH PHÍ TĂNG SO VỚI 2022

STT	Nội dung	Tổng số lao động hợp đồng 2022 được phê duyệt	Tổng số lao động hợp đồng năm 2022 có mặt	Dự toán Nhu cầu tiền lương 2022 của lao động hợp đồng	Định mức chi TX theo QĐ 77/2021		Tổng dự toán kinh phí năm 2022 theo QĐ 4950/QĐ-UBND	Điều chỉnh dự toán trong năm 2022		Tổng kinh phí ngân sách cấp sử dụng năm 2022	Quyết toán thực hiện chi cho lao động HĐ 2022	Trong đó	Định mức đề xuất sửa đổi bổ sung NQ 23/2021			Chênh lệch tăng so năm 2022
					Định mức	Thành tiền		Tăng	Giảm				Chi tổng quỹ tiền lương của hợp đồng lao động	Định mức (Sửa đổi, bổ sung)	Hệ số (dự kiến)	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>187</b>	<b>205</b>	<b>13.629</b>		<b>960</b>	<b>13.910</b>	<b>77</b>	<b>0</b>	<b>14.256</b>	<b>16.369</b>	<b>14.587</b>			<b>24.588</b>	<b>10.332</b>
*	<b>Tiền lương Bình quân 1 lao động /1 năm Cơ quan hành chính</b>									<b>82,15259</b>	<b>83,12</b>	<b>72,95</b>				
<b>A</b>	<b>Cơ quan hành chính</b>	<b>158</b>	<b>177</b>	<b>11.979</b>		<b>960</b>	<b>12.639</b>	<b>72</b>	<b>0</b>	<b>12.980</b>	<b>14.713</b>	<b>12.912</b>			<b>21.924</b>	<b>8.944</b>
<b>I</b>	<b>Văn phòng các Sở, ban, ngành</b>	<b>87</b>	<b>87</b>	<b>5.976</b>	<b>40</b>	<b>520</b>	<b>6.465</b>	<b>72</b>	<b>0</b>	<b>6.537</b>	<b>7.061</b>	<b>6.250</b>		<b>29</b>	<b>10.512</b>	<b>3.975</b>
1	VP Đoàn ĐBQH và HĐ nhân dân tỉnh	9	9	690	20	180	870			870	870	690	360	3,0	1.080	210
2	Văn phòng UBND tỉnh	17	17	1.306	20	340	1.646			1.646	1.646	1.306	360	5,5	1.980	334
3	Văn phòng Sở Nội vụ	3	3	174			174			174	233	184	360	1,0	360	186
4	Văn phòng Sở Ngoại Vụ	3	3	196			196			196	196	196	360	1,0	360	164
5	Sở Tài chính	3	3	174			171			171	203	174	360	1,0	360	189
6	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	3	3	162			162			162	194	173	360	1,0	360	198
7	VP.Sở Thông tin truyền thông	3	3	193			193			193	185	185	360	1,0	360	167
8	Cơ quan Văn phòng sở Nông nghiệp	3	3	265			265			265	435	354	360	1,0	360	95
9	Văn phòng Sở Y tế	3	3	137			137			137	205	205	360	1,0	360	223
10	Văn phòng Sở TNMT	3	3	264			264	0	0	264	264	264	360	1,0	360	96
11	VP Ban quản lý Khu kinh tế	3	3	261			261			261	261	261	360	1,0	360	99
12	VP Sở Tư pháp	3	3	169			169			169	169	169	360	1,0	360	191
13	Ban Dân tộc	3	3	176			176	9		185	185	185	360	1,0	360	175
14	VP Sở Lao động Thương binh và xã hội	3	3	198			198	3	0	201	255	201	360	1,0	360	159
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	3	180			120	60		180	180	180	360	1,0	360	180
16	Sở Xây dựng	3	3	169			169			169	156	156	360	1,0	360	191
17	Văn phòng Sở Giao thông (Số GTVT: 3; Thanh tra GT 2)	5	5	387			419			419	518	518	360	1,7	612	193
18	Văn phòng Sở Công thương	2	2	118			118			118	146	120	360	1,0	360	242
19	VP Sở Giáo dục và đào tạo	3	3	172			172			172	163	132	360	1,0	360	188
20	Thanh tra tỉnh	3	3	166			166			166	172	172	360	1,0	360	194
21	VP Sở Văn hóa, Thể Thao	3	3	186			186			186	191	191	360	1,0	360	174
22	VP Sở Du lịch	3	3	233			233			233	233	233	360	1,0	360	127
<b>II</b>	<b>Các chi cục thuộc sở, ban</b>	<b>28</b>	<b>45</b>	<b>2.209</b>			<b>2.209</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.209</b>	<b>3.276</b>	<b>2.733</b>	<b>9.000</b>	<b>17</b>	<b>6.012</b>	<b>3.803</b>
1	Ban Thi đua - Khen thưởng	1	1	51			51			51	67	67	360	0,5	180	129
2	Ban Tôn giáo	2	2	139			139			139	152	139	360	0,7	252	113
3	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	1	2	107			107			107	188	150	360	0,7	252	145

STT	Nội dung	Tổng số lao động hợp đồng 2022 được phê duyệt	Tổng số lao động hợp đồng năm 2022 có mặt	Dự toán Nhu cầu tiền lương 2022 của lao động hợp đồng	Định mức chi TX theo QĐ 77/2021		Tổng dự toán kinh phí năm 2022 theo QĐ 4950/QĐ-UBND	Điều chỉnh dự toán trong năm 2022		Tổng kinh phí ngân sách cấp sử dụng năm 2022	Quyết toán thực hiện chi cho lao động HĐ 2022	Trong đó	Định mức đề xuất sửa đổi bổ sung NQ 23/2021			Chênh lệch tăng so năm 2022
					Định mức	Thành tiền		Tăng	Giảm				Chi tổng quỹ tiền lương của hợp đồng lao động	Định mức (Sửa đổi, bổ sung)	Hệ số (dự kiến)	
4	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1	3	78			78			78	249	249	360	0,7	252	174
5	Cơ quan Chi cục Kiểm lâm	1	2	77			77			77	142	142	360	0,7	252	175
6	Hạt Kiểm lâm An Lão	1	2	66			66			66	116	66	360	0,7	252	186
7	Hạt Kiểm lâm An Nhơn	1	1	106			106			106	111	106	360	0,7	252	146
8	Hạt Kiểm lâm Hoài Ân	1	1	111			111			111	141	111	360	0,7	252	141
9	Hạt Kiểm lâm Hoài Nhơn	1	1	106			106			106	122	106	360	0,7	252	146
10	Hạt Kiểm lâm Phù Cát	1	1	116			116			116	125	116	360	0,7	252	136
11	Hạt Kiểm lâm Phù Mỹ	1	1	96			96			96	101	96	360	0,7	252	156
12	Hạt Kiểm lâm Liên hạt Tuy Phước- QN	1	2	77			77			77	137	77	360	0,7	252	175
13	Hạt Kiểm lâm Tây Sơn	1	1	67			67			67	94	67	360	0,7	252	185
14	Hạt Kiểm lâm Vân Canh	1	1	143			143			143	181	143	360	0,7	252	109
15	Hạt Kiểm lâm Vĩnh Thạnh	1	2	71			71			71	125	71	360	0,7	252	181
16	Đội Kiểm lâm Cơ động và PCC rừng	1	2	77			77			77	128	77	360	0,7	252	175
17	Chi cục Thủy sản	1	5	92			92			92	300	234	360	0,7	252	160
18	Chi cục Thủy lợi	1	4	83			83			83	157	134	360	0,7	252	169
19	Chi cục Phát triển nông thôn	1	2	62			62			62	106	86	360	0,7	252	190
20	Chi cục QLCL nông, lâm sản, Thủy sản	1	2	55			55			55	82	73	360	0,7	252	197
21	Chi cục Bảo vệ môi trường	1	1	77			77	0	0	77	77	77	360	0,5	180	103
22	Chi cục Quản lý đất đai	2	2	138			138	0	0	138	127	127	360	0,7	252	114
23	Chi cục Đo lường chất lượng	2	2	108			108			108	141	112	360	0,7	252	144
24	Chi cục Dân số _ KHHGD	1	1	52			52			52	53	53	360	0,5	180	128
25	Chi cục AT-VSTP	1	1	54			54			54	54	54	360	0,5	180	126
<b>III</b>	<b>Khối Đảng</b>	<b>43</b>	<b>45</b>	<b>3.794</b>	<b>20</b>	<b>440</b>	<b>3.965</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.234</b>	<b>4.376</b>	<b>3.929</b>	<b>2.880</b>	<b>15</b>	<b>5.400</b>	<b>1.166</b>
1	Văn phòng Tỉnh Ủy	22	22	2.221	20	440	2.661			2.661	2.661	2.221	360	8,0	2880	219
2	Đảng ủy Khối các cơ quan	3	3	231			231			231	231	231	360	1,0	360	129
3	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	3	3	208			208			208	208	208	360	1,0	360	152
4	Hội cựu chiến binh	3	3	184			184			184	191	184	360	1,0	360	176
5	Đoàn thanh niên CS HCM tỉnh BĐ	3	5	215			215			215	350	350	360	1,0	360	145
6	Hội Liên hiệp phụ nữ	3	3	269			269			269	269	269	360	1,0	360	91
7	Hội nông dân	3	3	214			214			214	214	214	360	1,0	360	146
8	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh BĐ	3	3	252			252	0	0	252	252	252	360	1,0	360	108
	<b>Mức chi Bình quân 1 lao động /1 năm</b>										<b>59,15</b>	<b>59,81</b>				
<b>B</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp ( HĐLĐ)</b>	<b>29</b>	<b>28</b>	<b>1.650</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.271</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>1.276</b>	<b>1.656</b>	<b>1.675</b>	<b>5.040</b>	<b>7</b>	<b>2.664</b>	<b>1.388</b>
1	Ban An toàn giao thông tỉnh	2	2	143			143			143	141	141	360	0,7	252	109
2	Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	2	2	102			102			102	132	115	360	0,5	180	78
3	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh	3	3	187			187			187	196	187	360	0,7	252	65
4	Thư viện tỉnh Bình Định	1	1	51			51			51	52	51	360	0,7	252	201



**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ CỦA CÁC ĐƠN VỊ**

STT	Đơn vị	Kiến nghị, đề xuất
1	VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Không có đề xuất
2	VP UBND tỉnh	Không có đề xuất
3	Sở Nội vụ	đề xuất Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp kinh phí định mức hoạt động cho hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh
4	Tỉnh uỷ Bình định	Đề xuất bố trí thêm kinh phí hoạt động cho các hợp đồng
5	Hội Cựu chiến binh	Đề nghị tiếp tục giao biên chế và cấp kinh phí cho hợp đồng lao động
6	Sở Ngoại Vụ	<p>- Cho phép Sở Ngoại vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động năm 2023 đối với 03 vị trí lái xe, bảo vệ và tạp vụ và ngân sách tỉnh cấp lương cho 03 vị trí nêu trên theo quy định; đồng thời có văn bản hướng dẫn việc xây dựng và sử dụng nguồn kinh phí chi trả tiền công cho các lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Trên cơ sở hiện trạng sử dụng lao động và số biên chế được giao năm 2023, xem xét phê duyệt số lượng lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ; nhằm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm cơ sở giao nguồn kinh phí thực hiện; đề xuất giao nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm (nằm ngoài quỹ tiền lương của cơ quan, đơn vị); xây dựng quỹ tiền công tăng thêm khi nâng lương theo quy định và bổ sung định mức khoán kinh phí chi hoạt động thường xuyên khác liên quan đến điện, nước, công tác phí...;</li> <li>+ Làm cơ sở xác định đối tượng, quỹ tiền lương, ngạch bậc, chức vụ của cơ quan được phép trả tăng thêm tối đa trong năm và xây dựng phương án chi trả thu nhập tăng thêm.</li> </ul>

STT	Đơn vị	Kiến nghị, đề xuất
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<p>Hiện nay, ngân sách nhà nước chỉ cấp kinh phí cho các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp chi trả tiền công lao động cho các lao động hợp đồng (Lái xe, Bảo vệ và Nhân viên phục vụ), không cấp kinh phí chi hoạt động hành chính. Trong khi đó, các lao động hợp đồng này cũng phải sử dụng các chi phí chung của cơ quan như: điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, tài sản, các đồ dùng khác; Lái xe phục vụ công tác trong và ngoài tỉnh được thanh toán công tác phí, tiền ngủ theo quy định; họ được hưởng các khoản chi phúc lợi, chi hỗ trợ các ngày lễ, tết, chi thu nhập tăng thêm từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi hành chính của cơ quan. Do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, cấp kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh để chi trả chi phí hoạt động hành chính cho các đối tượng trên.</p>
8	Sở Công thương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tài chính có văn bản hướng dẫn việc xây dựng và sử dụng nguồn kinh phí chi trả tiền công cho các hợp đồng lao động thực hiện công việc thừa hành, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP.</li> <li>- Cơ quan có thẩm quyền ban hành thang bảng lương cho hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.</li> <li>- Hàng năm, UBND tỉnh cần ban hành Quyết định phê duyệt số lượng lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP để các đơn vị có cơ sở xây dựng nguồn kinh phí chi trả cho các hợp đồng lao động.</li> <li>- Đề nghị cấp bổ sung thêm định mức chi hoạt cho các đối tượng này ngoài quỹ lương đã cấp để đơn vị thực hiện chi trả tiền lương tăng theo định kì, tiền điện, nước, công tác phí, phúc lợi tập thể và thu nhập tăng thêm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước</li> </ul>
9	Sở Tư pháp	Không có đề xuất

STT	Đơn vị	Kiến nghị, đề xuất
10	Sở Tài chính	Không có đề xuất
11	Sở Tài nguyên và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường 06 chỉ tiêu lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ (trong đó: Cơ quan Văn phòng Sở: 03 người, Chi cục Bảo vệ môi trường: 01 người và Chi cục Quản lý đất đai: 02 người) để đơn vị thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được giao.</li> <li>- Các hợp đồng lao động này thực hiện tại các cơ quan hành chính trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường nên không có nguồn thu để đảm bảo chi trả tiền công cho lao động hợp đồng. Do đó, kính đề nghị cấp trên cấp kinh phí để đơn vị thực hiện chi trả tiền công và các khoản đóng góp cho số lao động thực hiện nhiệm vụ thừa hành, phục vụ của cơ quan.</li> <li>- Có văn bản hướng dẫn việc thực hiện ký hợp đồng lao động và sử dụng nguồn kinh phí chi trả tiền công cho các hợp đồng lao động thực hiện công việc thừa hành, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.</li> <li>- Bổ sung định mức khoán kinh phí chi hoạt động thường xuyên cho hợp đồng lao động vì hợp đồng lao động cũng giống như công chức đều sử dụng những khoản chi phí liên quan như: điện, nước, công tác phí và các khoản chi phí hành chính khác.</li> </ul>
12	Thanh tra tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành văn bản hướng dẫn việc xây dựng và sử dụng nguồn kinh phí chi tiền công cho các lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ.</li> <li>- Trên cơ sở hiện trạng sử dụng lao động và số biên chế được giao năm 2022, xem xét phê duyệt số lượng lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ và cấp kinh phí trả lương cho biên chế đã được duyệt.</li> </ul>



STT	Đơn vị	Kiến nghị, đề xuất
13	Sở Xây dựng	<p>- Ban hành văn bản hướng dẫn việc xây dựng và sử dụng nguồn kinh phí chi tiền công cho các lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ cho năm 2023 và các năm tiếp theo.</p> <p>- Trên cơ sở hiện trạng sử dụng lao động và số biên chế được giao năm 2022, xem xét phê duyệt số lượng lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm cơ sở giao nguồn kinh phí thực hiện; đề xuất giao nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm (nằm ngoài quỹ tiền lương của cơ quan, đơn vị); được xây dựng quỹ tiền công tăng thêm khi nâng bậc lương theo quy định và bổ sung định mức khoán kinh phí chi hoạt động thường xuyên khác liên quan: điện, nước, công tác phí...;</li> <li>+ Làm cơ sở xác định đối tượng, quỹ tiền lương, ngạch bậc, chức vụ của cơ quan được phép trả tăng thêm tối đa trong năm và xây dựng phương án chi trả thu nhập tăng thêm. Cụ thể: Theo Thông tư Liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ quyết định phương án chi trả thu nhập tăng thêm trên cơ sở số biên chế được giao và số lao động hợp đồng không xác định thời hạn đối với một số chức danh theo quy định của pháp luật được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy, theo quy định nêu trên khi xây dựng phương án chi trả thu nhập tăng thêm (bao gồm cả số lượng lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ) thì đối tượng này phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li> </ul>

STT	Đơn vị	Kiến nghị, đề xuất
14	Đoàn thanh niên CS HCM tỉnh BĐ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho phép Tỉnh đoàn tiếp tục duy trì các hợp đồng hiện đang làm các nhiệm vụ thừa hành, phục vụ tại cơ quan trong thời gian tiếp theo.</li> <li>- Kinh phí chi trả tiền lương cho lao động hợp đồng hiện đang làm các nhiệm vụ thừa hành, phục vụ tại cơ quan do ngân sách nhà nước đảm bảo.</li> <li>- Tiền lương hợp đồng lao động được áp dụng mức tiền lương hợp đồng theo bảng lương của công chức, viên chức; thực hiện chế độ nâng lương và các chế độ, chính sách khác có liên quan đến tiền lương thực hiện như công chức, viên chức; mức hợp đồng lại theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ không thấp hơn tiền lương của người lao động đang hưởng.</li> </ul>
15	Hội Liên hiệp phụ nữ	<p>Để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, Hội LHPN tỉnh đề nghị xem xét việc giao chỉ tiêu lao động hợp đồng cho Hội LHPN tỉnh và được sử dụng nguồn kinh phí của nhà nước chi trả lương, phụ cấp cho các lao động hợp đồng.</p>
16	Hội nông dân tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho phép Hội duy trì 3 hợp đồng</li> <li>- Kinh phí chi trả tiền lương cho lao động hợp đồng do ngân sách nhà nước đảm bảo.</li> <li>- Tiền lương hợp đồng lao động áp dụng theo bảng lương của công chức, viên chức, thực hiện chế độ nâng lương và các chế độ, chính sách khác có liên quan.</li> </ul>
17	Trường Chính trị	Không có đề xuất
18	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Nội vụ phê duyệt số lượng người lao động trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập để làm cơ sở ký kết hợp đồng lao động hàng năm.</li> <li>- Sở Tài chính hướng dẫn việc xây dựng dự toán kinh phí và trình cấp có thẩm quyền cấp kinh phí định mức cho nhân viên thừa hành, phục vụ thực hiện hợp đồng trong cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu khác (nếu có), nằm ngoài quỹ lương cơ quan theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.</li> </ul>
19	Sở Khoa học và Công nghệ	Đề xuất tiếp tục giao chỉ tiêu và kinh phí thực hiện hợp đồng lao động

STT	Đơn vị	Kiến nghị, đề xuất
20	Sở Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên cơ sở nhu cầu sử dụng và số lượng lao động hợp đồng làm nhiệm vụ thừa hành, phục vụ được giao năm 2022, đề nghị xem xét phê duyệt số lượng lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ của Sở Giao thông vận tải theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.</li> <li>- Cấp kinh phí khoán chi thường xuyên (điện, nước, khen thưởng, công tác phí,...) và chi phí tiền công cho lao động hợp đồng làm nhiệm vụ thừa hành, phục vụ.</li> <li>- Có văn bản hướng dẫn cụ thể việc xây dựng dự toán kinh phí và sử dụng nguồn kinh phí chi trả tiền công cho các lao động hợp đồng thực hiện công việc thừa hành, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.</li> </ul>
21	Ban An toàn giao thông tỉnh	Không có đề xuất
22	Sở Du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với lao động hợp đồng làm nhiệm vụ thừa hành, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ, Sở Du lịch đề nghị Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cấp định mức phân bổ theo số lượng hợp đồng.</li> <li>- Tạo điều kiện nâng lương đối với lao động hợp đồng làm nhiệm vụ thừa hành, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập</li> </ul>
23	Sở Văn hóa thể thao	Đề xuất Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, cấp kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh để chi trả chi phí hoạt động hành chính cho các đối tượng trên.

STT	Đơn vị	Kiến nghị, đề xuất
24	Sở Thông tin truyền thông	<p>- Theo Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2023, số lượng lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập không được giao. Do đó, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị tiếp tục thực hiện ký hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ với số lượng nêu trên.</p> <p>- Để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đảm bảo quyền lợi của người lao động. Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn việc xây dựng và sử dụng nguồn kinh phí chi tiền công và các chế độ, chính sách có liên quan cho các lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.</p>
25	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đề nghị hướng dẫn nguồn kinh phí để thực hiện các hợp đồng lao động.
26	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	Đề nghị cấp kinh phí chi trả lương
27	Sở Y tế	Sở Y tế đề xuất Sở Tài chính nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh tăng định mức chi thường xuyên theo chỉ tiêu biên chế được giao cho các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4 để có thêm nguồn kinh phí thực hiện chi trả cho lao động hợp đồng, giúp đảm bảo hoạt động của các cơ quan, đơn vị.
28	Sở Lao động Thương binh và xã hội	<p>- Tiếp tục cấp kinh phí chi hoạt động thường xuyên cho các đơn vị để chi trả cho số lao động làm nhiệm vụ thừa hành, phục vụ.</p> <p>- Có chính sách hỗ trợ để người lao động đảm bảo cuộc sống, yên tâm công tác.</p>
29	Ban quản lý Khu kinh tế	đề nghị cấp có thẩm quyền sớm có thông tư hướng dẫn cụ thể thống nhất việc nâng lương cho lao động hợp đồng làm công việc hỗ trợ, phục vụ

## THUYẾT MINH VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TẠI ĐƠN VỊ

TT	Nội dung	Tổng số HĐ 68 năm 2022 được phê duyệt	Thuyết minh vị trí việc làm của hợp đồng lao động (đề nghị đính kèm VB được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt -nếu có)	Ghi chú số Quyết định tiêu chuẩn định mức xe tô tô được cấp thẩm quyền phê duyệt
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>353</b>		
<b>1</b>	<b>VP Đoàn ĐBQH và HĐ nhân dân tỉnh</b>	<b>9</b>		
	VP Đoàn ĐBQH và HĐ nhân dân tỉnh	9	5 Lái xe; 2 bảo vệ; 2 phục vụ	49/2019/QĐ-UBND
<b>2</b>	<b>VP UBND tỉnh</b>	<b>17</b>		
	Văn phòng UBND tỉnh	17	5 Lái xe; 2 bảo vệ; 7 nhân viên phục vụ, 01 nhân viên điện nước, 01 nhân viên phô tô copy, 01 nhân viên phục vụ và hỗ trợ sắp xếp tài liệu kho lưu trữ	CV số 2444/SNV-TCBC-TCPTP;
<b>3</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>8</b>		
	Văn phòng Sở Nội vụ	3	1 Bảo vệ; 1 Phục vụ, 1 Lái xe	Nghị định 04/NĐ-CP ngày 11/01/2019
	Ban Tôn giáo	2	1 Bảo vệ; 1 Phục vụ; 0 Lái xe	Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021
	Ban Thi đua - Khen thưởng	1	1 Bảo vệ	
	Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	2	1 bảo vệ, 1 phục vụ	
<b>4</b>	<b>Tỉnh uỷ Bình định</b>	<b>31</b>		
	Văn phòng Tỉnh Ủy	22	11 Lái xe; 1 điện nước; 10 lễ tân	19/2020/QĐ-UBND
	Đảng ủy Khối các cơ quan	3	1 Bảo vệ; 1 Phục vụ, 1 Lái xe	19/2020/QĐ-UBND
	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	3	1 Bảo vệ; 1 Phục vụ, 1 Lái xe	19/2020/QĐ-UBND
	Báo Bình Định	3	1 Bảo vệ; 1 Phục vụ, 1 Lái xe	19/2020/QĐ-UBND

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số HD 68 năm 2022 được phê duyet</b>	<b>Thuyết minh vị trí việc làm của hợp đồng lao động (đề nghị đính kèm VB được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt -nếu có)</b>	<b>Ghi chú số Quyết định tiêu chuẩn định mức xe tô tô được cấp thẩm quyền phê duyệt</b>
<b>5</b>	<b>Hội Cựu chiến binh</b>	<b>3</b>		
	Hội cựu chiến binh	3	1 Bảo vệ; 1 Phục vụ, 1 Lái xe	1891/QĐ-UBND
<b>6</b>	<b>Sở Ngoại Vụ</b>	<b>3</b>		
	Văn phòng Sở Ngoại Vụ	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 phục vụ	QĐ số 1992/QĐ-CTUBND ngày 18/9/2012
<b>7</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>	<b>3</b>		
	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	01 Lái xe; 01 Bảo vệ; 01 Nhân viên phục vụ	Thông báo số 2451/SNV- TCBC&TCPCP ngày 28/12/2021
<b>8</b>	<b>Sở Công thương</b>	<b>2</b>		
	Văn phòng Sở Công thương	2	1 Lái xe; 1 phục vụ	
<b>9</b>	<b>Sở Tư pháp</b>	<b>4</b>		
	Trung tâm trợ giúp pháp lý	1	1 bảo vệ	
	VP Sở Tư pháp	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 tạp vụ	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND;
<b>10</b>	<b>Sở Tài chính</b>	<b>3</b>		
	Sở Tài chính	3	1 Lái xe; 2 bảo vệ; 1 phục vụ	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND;
<b>11</b>	<b>Sở Tài nguyên và môi trường</b>	<b>6</b>		
	Văn phòng Sở TNMT	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 phục vụ	QĐ số 1188/QĐ-UBND ngày 3/4/2020 của UBND tỉnh Bình Định
	Chi cục Bảo vệ môi trường	1	1 bảo vệ	
	Chi cục Quản lý đất đai	2	1 Lái xe; 1 bảo vệ	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định
<b>12</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>	<b>3</b>		
	Thanh tra tỉnh	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 phục vụ	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND

TT	Nội dung	Tổng số HD 68 năm 2022 được phê duyet	Thuyết minh vị trí việc làm của hợp đồng lao động (đề nghị đính kèm VB được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt -nếu có)	Ghi chú số Quyết định tiêu chuẩn định mức xe ô tô được cấp thẩm quyền phê duyệt
<b>13</b>	<b>Sở Xây dựng</b>	<b>3</b>		
	Sở Xây dựng	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 phục vụ	
<b>14</b>	<b>Đoàn thanh niên CS HCM tỉnh BĐ</b>	<b>3</b>		
	Đoàn thanh niên CS HCM tỉnh BĐ	3	2 bảo vệ; 1 văn thư, 1 tạp vụ	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND;
<b>15</b>	<b>Hội Liên hiệp phụ nữ</b>	<b>3</b>		
	Hội Liên hiệp phụ nữ	3	01 Lái xe, 02 Bảo vệ, 01 Phục vụ	Theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô
<b>16</b>	<b>Hội nông dân tỉnh</b>	<b>3</b>		
	Hội nông dân	3	01 Lái xe, 01 Bảo vệ, 01 Phục vụ	1891/QĐ-UBND
<b>17</b>	<b>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b>	<b>21</b>		
	Cơ quan Văn phòng sở Nông nghiệp	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 phục vụ	Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ, Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT - Số lượng xe tối đa/01 đơn vị: 01 xe
	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	1	1 bảo vệ kiêm lái xe	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND;
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1	1 Lái xe; 1 bảo vệ phục vụ	QĐ số 63/2022/QĐ-UBND;
	Chi cục Phát triển nông thôn	1	1 bảo vệ (Quyết định số 02/QĐ-SNN ngày 4/01/2022 kèm theo) 1 lái xe	
	Chi cục Thủy lợi	1	1 bảo vệ; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 63/2022/QĐ-UBND
	Chi cục QLCL nông, lâm sản, Thủy sản	1	1 bảo vệ	

TT	Nội dung	Tổng số HD 68 năm 2022 được phê duyet	Thuyết minh vị trí việc làm của hợp đồng lao động (đề nghị đính kèm VB được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt -nếu có)	Ghi chú số Quyết định tiêu chuẩn định mức xe tô tô được cấp thẩm quyền phê duyệt
	Chi cục Thủy sản	1	1 bảo vệ (HDLĐ theo ND 68/2000/NĐ-CP)	
	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	<b>12</b>		
	<i>Cơ quan Chi cục Kiểm lâm</i>	1	1 bảo vệ; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 63/2022/QĐ-UBND
	<i>Hạt Kiểm lâm An Lão</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
	<i>Hạt Kiểm lâm An Nhơn</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
	<i>Hạt Kiểm lâm Hoài Ân</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
	<i>Hạt Kiểm lâm Hoài Nhơn</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
	<i>Hạt Kiểm lâm Phù Cát</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
	<i>Hạt Kiểm lâm Phù Mỹ</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
	<i>Hạt Kiểm lâm Liên hạt Tuy Phước- QN</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
	<i>Hạt Kiểm lâm Tây Sơn</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
	<i>Hạt Kiểm lâm Vân Canh</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
	<i>Hạt Kiểm lâm Vĩnh Thạnh</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
	<i>Đội Kiểm lâm Cơ động và PCC rừng</i>	1	1 lái xe; QĐ số 02/QĐ-SNN	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND
<b>18</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>	<b>5</b>		
	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 tạp vụ	500/UBND-TH
	Chi cục Đo lường chất lượng	2	1 Lái xe; 1 bảo vệ	49/2019/QĐ-UBND
<b>19</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>	<b>5</b>		
	Văn phòng Sở Giao thông (Sở GTVT: 3; Thanh tra Giao thông 2)	5	04 lái xe; 01 phục vụ	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND; ND số 04/2019/NĐ-CP
<b>20</b>	<b>Ban An toàn giao thông tỉnh</b>	<b>2</b>		



<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số HD 68 năm 2022 được phê duyet</b>	<b>Thuyết minh vị trí việc làm của hợp đồng lao động (đề nghị đính kèm VB được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt -nếu có)</b>	<b>Ghi chú số Quyết định tiêu chuẩn định mức xe tô tô được cấp thẩm quyền phê duyệt</b>
	Ban An toàn giao thông tỉnh	2	1 lái xe,1 bảo vệ	Điều 17 Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính Phủ
<b>21</b>	<b>Sở Du lịch</b>	<b>4</b>		
	VP Sở Du lịch	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 phục vụ	
	Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch	1	1 bảo vệ	49/2019/QĐ-UBND
<b>22</b>	<b>Sở Văn hóa thể thao</b>	<b>32</b>		
	VP Sở Văn hóa, Thể Thao	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 phục vụ	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND;
	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh	3	1 Lái xe;02 bảo vệ	QĐ số 67/2021/QĐ-UBND;
	Thư viện tỉnh Bình Định	1	01 Lái xe	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND;
	Bảo Tàng tỉnh Bình Định	14	14 Bảo vệ tại các di tích trên địa bàn tỉnh	QĐ số 67/2021/QĐ-UBND;
	Bảo tàng Quang Trung	3	03 Bảo vệ	QĐ số 49/2019/QĐ-UBND;
	Trung tâm Huấn luyện TĐ Thể thao	8	2 bảo vệ; 1 lái xe; 1 thợ điện , 2 cấp dưỡng; 02 tạp vụ	QĐ số 67/2021/QĐ-UBND;
<b>23</b>	<b>Sở Thông tin truyền thông</b>	<b>3</b>		
	VP.Sở Thông tin truyền thông	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 phục vụ	
<b>24</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>41</b>		
	VP Sở Giáo dục và đào tạo	3		NĐ 04/2019/NĐ-CP và Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019
	Trường CB Hy Vọng Quy Nhơn	4		
	Trường PTDTNT THCS&THPT An Lão	7		
	Tr,PTDTNT THCS&THPT Vân Canh	8		

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tổng số HD 68 năm 2022 được phê duyet</b>	<b>Thuyết minh vị trí việc làm của hợp đồng lao động (đề nghị đính kèm VB được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt -nếu có)</b>	<b>Ghi chú số Quyết định tiêu chuẩn định mức xe ô tô được cấp thẩm quyền phê duyệt</b>
	Tr. PT DTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh	8		
	Trường PT DTNT -THPT BÐ	11		
<b>25</b>	<b>Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh</b>	<b>3</b>		
	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh BÐ	3		NĐ 04/2019/NĐ-CP
<b>26</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>12</b>		
	Văn phòng Sở Y tế	3	01 Lái xe, 01 Bảo vệ, 01 Phục vụ	Theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô
	Chi cục Dân số _ KHHGD	1	01 Bảo vệ	
	Chi cục AT-VSTP	1	01 Bảo vệ	
	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật	4	03 Lái xe, 01 Điện nước	49/2019/QĐ-UBND phê duyệt 2 xe chuyên dùng vận chuyển vacxin, lấy mẫu và phun hóa chất phòng chống dịch; Đơn vị đang xây dựng để trình phê duyệt định mức xe ô tô chuyên dùng khác
	Trung tâm Kiểm nghiệm DP-MP	1	01 Bảo vệ	
	Trung tâm Giám định Y khoa	1	01 Bảo vệ	
	Trung tâm Pháp Y	1	01 Bảo vệ	
<b>27</b>	<b>Sở Lao động Thương binh và xã hội</b>	<b>105</b>		

TT	Nội dung	Tổng số HĐ 68 năm 2022 được phê duyet	Thuyết minh vị trí việc làm của hợp đồng lao động (đề nghị đính kèm VB được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt -nếu có)	Ghi chú số Quyết định tiêu chuẩn định mức xe ô tô được cấp thẩm quyền phê duyệt
	VP Sở Lao động Thương binh và xã hội	3	Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh; Công văn số 2450/SNV- TCBC&TCPCP ngày 28/12/2021 của Sở Nội vụ	Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ và Quyết định số 67/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh
	Trung tâm công tác xã hội và bảo trợ xã hội	18	Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh; Công văn số 2450/SNV- TCBC&TCPCP ngày 28/12/2021 của Sở Nội vụ; Quyết định số 990/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Công văn số 7393/UBND-VX ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh	Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 21/03/2014 về việc điều chuyển xe ô tô
	Cơ sở cai nghiện ma túy	2	Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh; Công văn số 2450/SNV- TCBC&TCPCP ngày 28/12/2021 của Sở Nội vụ	

TT	Nội dung	Tổng số HD 68 năm 2022 được phê duyet	Thuyết minh vị trí việc làm của hợp đồng lao động (đề nghị đính kèm VB được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt -nếu có)	Ghi chú số Quyết định tiêu chuẩn định mức xe tô tô được cấp thẩm quyền phê duyệt
	Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	78	Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh; Công văn số 2450/SNV- TCBC&TCPCP ngày 28/12/2021 của Sở Nội vụ; Quyết định số 990/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Công văn số 7393/UBND-VX ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh	Quyết định 2377/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND tỉnh
	Trung tâm CS và Điều dưỡng người có công	4	Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh; Công văn số 2450/SNV- TCBC&TCPCP ngày 28/12/2021 của Sở Nội vụ	Quyết định số 222/QĐ-BQP ngày 18/01/2016 của Bộ Quốc phòng và Quyết định số 4550/QĐ-UBND ngày 07/12/2017
<b>28</b>	<b>Ban quản lý Khu kinh tế</b>	<b>13</b>		
	VP Ban quản lý Khu kinh tế	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 phục vụ	QĐ số 5190/QĐUBND; ngày 27/12/2021
	VP Ban quản lý Khu kinh tế	10	10 bảo vệ Khu kinh tế Nhơn Hội	QĐ số 5190/QĐUBND; ngày 27/12/2021
<b>29</b>	<b>Ban Dân tộc</b>	<b>3</b>		
	Ban Dân tộc	3	1 Lái xe; 1 bảo vệ; 1 phục vụ	

**DỰ KIẾN CẤP BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT 23/2021/NQ-HĐND TRONG NĂM 2023**

**Phụ lục 06**

STT	Nội dung	Tổng kinh phí ngân sách cấp sử dụng năm 2023 cho LĐ HĐ QĐ 4179/QĐ-UBND	Định mức đề xuất sửa đổi bổ sung NQ 23/2021			Dự toán KP BS năm 2023 cho LĐ HĐ
			Định mức (Sửa đổi, bổ sung)	Hệ số (dự kiến)	Dự toán KP (Sau khi thực hiện sửa đổi, bổ sung)	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.537</b>			<b>24.588</b>	<b>10.051</b>
	<b>Cơ quan hành chính</b>	<b>13.342</b>			<b>21.924</b>	<b>8.582</b>
<b>I</b>	<b>Văn phòng các Sở, ban, ngành</b>	<b>6.677</b>	<b>7.920</b>	<b>29</b>	<b>10.512</b>	<b>3.835</b>
1	VP Đoàn ĐBQH và HĐ nhân dân tỉnh	870	360	3,0	1.080	210
2	Văn phòng UBND tỉnh	1.710	360	5,5	1.980	270
3	Văn phòng Sở Nội vụ	182	360	1,0	360	178
4	Văn phòng Sở Ngoại Vụ	202	360	1,0	360	158
5	Sở Tài chính	177	360	1,0	360	183
6	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	176	360	1,0	360	184
7	VP.Sở Thông tin truyền thông	201	360	1,0	360	159
8	Cơ quan Văn phòng sở Nông nghiệp	240	360	1,0	360	120
9	Văn phòng Sở Y tế	210	360	1,0	360	150
10	Văn phòng Sở TNMT	264	360	1,0	360	96
11	VP Ban quản lý Khu kinh tế	248	360	1,0	360	112
12	VP Sở Tư pháp	182	360	1,0	360	178
13	Ban Dân tộc	182	360	1,0	360	178
14	VP Sở Lao động Thương binh và xã hội	205	360	1,0	360	155
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	175	360	1,0	360	185
16	Sở Xây dựng	164	360	1,0	360	196
17	Văn phòng Sở Giao thông (Số GTVT: 3; Thanh tra GT 2)	423	360	1,7	612	189
18	Văn phòng Sở Công thương	126	360	1,0	360	234
19	VP Sở Giáo dục và đào tạo	131	360	1,0	360	229
20	Thanh tra tỉnh	176	360	1,0	360	184
21	VP Sở Văn hóa, Thể Thao	197	360	1,0	360	163
22	VP Sở Du lịch	236	360	1,0	360	124
<b>II</b>	<b>Các chi cục thuộc sở, ban</b>	<b>2.315</b>	<b>9.000</b>	<b>17</b>	<b>6.012</b>	<b>3.697</b>
1	Ban Thi đua - Khen thưởng	54	360	0,5	180	126
2	Ban Tôn giáo	139	360	0,7	252	113
3	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	113	360	0,7	252	139
4	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	78	360	0,7	252	174
5	Cơ quan Chi cục Kiểm lâm	82	360	0,7	252	170

STT	Nội dung	Tổng kinh phí ngân sách cấp sử dụng năm 2023 cho LĐ HĐ QĐ 4179/QĐ-UBND	Định mức đề xuất sửa đổi bổ sung NQ 23/2021			Dự toán KP BS năm 2023 cho LĐ HĐ
			Định mức (Sửa đổi, bổ sung)	Hệ số (dự kiến)	Dự toán KP (Sau khi thực hiện sửa đổi, bổ sung)	
6	Hạt Kiểm lâm An Lão	76	360	0,7	252	176
7	Hạt Kiểm lâm An Nhơn	111	360	0,7	252	141
8	Hạt Kiểm lâm Hoài Ân	116	360	0,7	252	136
9	Hạt Kiểm lâm Hoài Nhơn	115	360	0,7	252	137
10	Hạt Kiểm lâm Phù Cát	121	360	0,7	252	131
11	Hạt Kiểm lâm Phù Mỹ	101	360	0,7	252	151
12	Hạt Kiểm lâm Liên hạt Tuy Phước- QN	81	360	0,7	252	171
13	Hạt Kiểm lâm Tây Sơn	72	360	0,7	252	180
14	Hạt Kiểm lâm Vân Canh	168	360	0,7	252	84
15	Hạt Kiểm lâm Vĩnh Thạnh	72	360	0,7	252	180
16	Đội Kiểm lâm Cơ động và PCC rừng	81	360	0,7	252	171
17	Chi cục Thủy sản	97	360	0,7	252	155
18	Chi cục Thủy lợi	73	360	0,7	252	179
19	Chi cục Phát triển nông thôn	65	360	0,7	252	187
20	Chi cục QLCL nông, lâm sản, Thủy sản	61	360	0,7	252	191
21	Chi cục Bảo vệ môi trường	77	360	0,5	180	103
22	Chi cục Quản lý đất đai	138	360	0,7	252	114
23	Chi cục Đo lường chất lượng	112	360	0,7	252	140
24	Chi cục Dân số _ KHHGD	55	360	0,5	180	125
25	Chi cục AT-VSTP	57	360	0,5	180	123
<b>III</b>	<b>Khối Đảng</b>	<b>4.350</b>	<b>2.880</b>	<b>15</b>	<b>5.400</b>	<b>1.050</b>
1	Văn phòng Tỉnh Ủy	2.766	360	8,0	2880	114
2	Đảng ủy Khối các cơ quan	231	360	1,0	360	129
3	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	212	360	1,0	360	148
4	Hội cựu chiến binh	191	360	1,0	360	169
5	Đoàn thanh niên CS HCM tỉnh BĐ	214	360	1,0	360	146
6	Hội Liên hiệp phụ nữ	269	360	1,0	360	91
7	Hội nông dân	214	360	1,0	360	146
8	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh BĐ	253	360	1,0	360	107
						0
<b>B</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp ( HĐLĐ)</b>	<b>1.195</b>	<b>5.040</b>	<b>7</b>	<b>2.664</b>	<b>1.469</b>
1	Ban An toàn giao thông tỉnh	144	360	0,7	252	108
2	Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	108	360	0,5	180	72
3	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh	199	360	0,7	252	53
4	Thư viện tỉnh Bình Định	54	360	0,7	252	198
5	Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch	54	360	0,7	252	198

STT	Nội dung	Tổng kinh phí ngân sách cấp sử dụng năm 2023 cho LĐ HĐ QĐ 4179/QĐ-UBND	Định mức đề xuất sửa đổi bổ sung NQ 23/2021			Dự toán KP BS năm 2023 cho LĐ HĐ
			Định mức (Sửa đổi, bổ sung)	Hệ số (dự kiến)	Dự toán KP (Sau khi thực hiện sửa đổi, bổ sung)	
6	Trung tâm trợ giúp pháp lý	61	360	0,5	180	119
7	Cơ sở cai nghiện ma túy	108	360	0,5	180	72
8	Báo Bình Định	117	360	0,7	252	135
9	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật	0	360		0	0
10	Trung tâm Kiểm nghiệm DP-MP	54	360	0,5	180	126
11	Trung tâm Giám định Y khoa	0	360	0,5	180	180
12	Trung tâm Pháp Y	54	360	0,7	252	198
13	Trung tâm CS và Điều dưỡng người có công	242	360	0,7	252	10
						0

## PHỤ LỤC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ TẠI NGHỊ QUYẾT 23/2021/NQ-HĐND

STT	Định mức phân bổ tại Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND	Định mức phân bổ đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi bổ sung
<b>1</b>	<b>Điểm c, d khoản 1 Điều 3 Chương II</b>	<b>Đề nghị sửa đổi bổ sung lại như sau:</b>	
	c) Chi tiền lương, tiền công của đối tượng được cấp có thẩm quyền giao làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định.	c) Khoản kinh phí để làm các công việc thừa hành, phục vụ (lái xe, bảo vệ, lễ tân/tạp vụ) trong cơ quan quản lý nhà nước thuộc UBND tỉnh, Đảng, đoàn thể là 360 triệu đồng/đơn vị/năm;	
		d) Đối với một số trường hợp đặc thù được khoán kinh phí để làm các công việc thừa hành, phục vụ quy định cụ thể như sau:	
		d1) Văn phòng Tỉnh ủy được tính hệ số bằng 8 lần theo mức khoán tại điểm c khoản 1 Điều này.	
		d2) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được tính hệ số bằng 5 lần theo mức khoán tại điểm c khoản 1 Điều này.	
	d) Đối tượng được cấp có thẩm quyền giao làm công việc thừa hành, phục vụ trong các cơ quan: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được phân bổ định mức chi hoạt động thường xuyên là 20 triệu đồng/người/năm.	d3) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được tính hệ số bằng 3 lần theo mức khoán tại điểm c khoản 1 Điều này.	
		d4) Sở Giao thông vận tải được tính hệ số bằng 1,7 lần theo mức khoán tại điểm c khoản 1 Điều này.	
		d5) Đối với các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc sở, ban, ngành được tính hệ số bằng 0,7 lần; Đối với các cơ quan không thuộc đối tượng được trang bị xe ô tô phục vụ công tác được tính hệ số bằng 0,5 lần theo mức khoán tại điểm c khoản 1 Điều này”.	
<b>2</b>	<b>Điểm c khoản 1 Điều 4 Chương II</b>	<b>Đề nghị sửa đổi, bổ sung lại như sau:</b>	
	c) Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Được vận dụng theo nguyên tắc, tiêu chí như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể. Về chi hoạt động thường xuyên thực hiện định mức phân bổ theo quy định của từng lĩnh vực sự nghiệp.	c) Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Được vận dụng theo nguyên tắc, tiêu chí như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể; mức khoán kinh phí để làm các công việc thừa hành, phục vụ thực hiện theo quy định tại tiết d5 điểm d khoản 1 Điều 3 Quy định này. Về chi hoạt động thường xuyên thực hiện định mức phân bổ theo quy định của từng lĩnh vực sự nghiệp.”	



STT	Định mức phân bổ tại Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND	Định mức phân bổ đề xuất sửa đổi	Lý do sửa đổi bổ sung
3	Điểm c khoản 2 Điều 4 Chương II	Đề nghị	
	<p>Đối tượng là lao động hợp đồng làm công việc thừa hành, phục vụ được cấp có thẩm quyền giao cho Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn và Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được phân bổ định mức chi hoạt động thường xuyên quy định tại điểm a khoản này.</p>	Bãi bỏ	<p>đây là Đối tượng hợp đồng làm nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ, do đó, trong giai đoạn chuyển tiếp đơn vị thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021; đồng thời xây dựng Đề án vị trí việc làm; trình cấp có thẩm quyền quyết định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị làm cơ sở thực hiện phương án tự chủ tài chính theo quy định hiện hành.</p>